TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trầm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Sinh

Ông Trần Đạt Thông

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải tham gia phiên Tòa: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn P, sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N , huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh P do quen biết với nhau nên tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 18/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn thì về chung sống tại ấp M, xã N, huyện D. Chung sống hạnh phúc một thời gian, đến đầu năm 2023 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng không thể giải quyết, vợ chồng đã ly thân gần một năm nay. Hiện nay chị đã không còn tình cảm với anh P nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh P.

Về con chung: có ba người con chung tên Trương Thị Kim T1, sinh ngày 29/12/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trương Thị Ngọc G, sinh ngày 03/8/2010 và Trương Phước L, sinh ngày 13/3/2016 hiện đang sống với chị khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ngọc G và Phước L không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh. Tòa án tiến hành tống đạt trực tiếp hợp lệ các Thông báo hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa cho anh P ký nhận nhưng anh không đến tham dự. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2024 anh P cũng thống nhất yêu cầu xin ly hôn của chị T vì cho rằng quan hệ vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn.

Con chung có 03 người con chung như chị T trình bày là Trương Thị Kim T1, sinh ngày 29/12/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trương Thị Ngọc G, sinh ngày 03/8/2010 và Trương Phước L, sinh ngày 13/3/2016 hai cháu hiện đang sống với chị T và anh thống nhất giao con chị T nuôi dưỡng anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: anh cho rằng hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96, 97, 109 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và thư ký tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo các chứng cứ chị Nguyễn Thị T cho rằng quan hệ hôn nhân không hạnh phúc do tính tình không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn và hai người sống ly thân đã gần một năm nay, hiện nay chị đã không còn tình cảm với anh P do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị nộp đơn xin ly hôn với anh P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung có ba người con chung tên: Trương Thị Kim T, sinh ngày 29/12/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trương Thị Ngọc G, sinh ngày 03/8/2010 và Trương Phước L, sinh ngày 13/3/2016. Cháu Ngọc G và Phước L hiện đang sống với chị T khi ly hôn anh P thống nhất giao con chị T nuôi dưỡng anh không phải cấp dưỡng. Nguyện vọng của hai cháu cũng muốn được sống cùng mẹ nghĩ nên giao hai cháu Ngọc G và Phước L cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Tài sản chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trương Văn P có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tiếng có nội dung yêu cầu ly hôn nên có quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về tố tụng: Anh P mặc dù đã được Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh ký nhận nhưng anh mặc nhiên không có động thái gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh vắng mặt không có lý do cho thấy anh không quan tâm đến vụ án căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh P.

[4]. Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, thấy rằng chị T và anh P hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện D, chung sống hạnh phúc một thời gian đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, chị và anh P ly thân đã gần một năm nay. Hiện tại chị cho rằng đã không còn tình cảm với anh, biên bản lấy lời khai anh P cũng thống nhất việc ly hôn với chị T vì cho rằng quan hệ không thể hàn gắn. Từ nhận định trên thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[5]. Về con chung: Trương Thị Kim T, sinh ngày 29/12/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trương Thị Ngọc G, sinh ngày 03/8/2010 và Trương Phước L, sinh ngày 13/3/2016. Cháu Ngọc G và Phước L hiện đang sống với chị T và hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ, anh P cũng thống nhất giao con chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng.

[6]. Về tài sản chung: chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị T và anh P thống nhất không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trương Văn P.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi dưỡng hai cháu Trương Thị Ngọc G, sinh ngày 03/8/2010 và Trương Phước L, sinh ngày 13/3/2016 theo nguyện vọng của hai cháu. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Trương Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn P thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0019302 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Án sơ thẩm đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
-CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã Long Khánh, huyện Duyên Hải
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trầm Thị Thanh Thảo